

BÁO CÁO**tổng kết công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên**
(từ năm 2010 đến nay)

Thực hiện Công văn số 1705-CV/BTCTW ngày 15/9/2021 của Ban Tổ chức Trung ương về tổng kết công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng (TCCSĐ) và đội ngũ đảng viên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi báo cáo như sau:

I. Đặc điểm, tình hình

Quảng Ngãi là tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ, có diện tích tự nhiên khoảng 5.135,2 km²; gồm 13 đơn vị hành chính cấp huyện (05 huyện miền núi, 05 huyện đồng bằng trung du, 01 thị xã, 01 thành phố trực thuộc tỉnh và 01 huyện đảo) với 173 xã, phường, thị trấn; 954 thôn, tổ dân phố. Dân số toàn tỉnh trên 1,23 triệu người. Có 04 dân tộc chính là Kinh, Hre, Co, Cadong.

Hiện nay, Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi có 17 đảng bộ trực thuộc (11 đảng bộ huyện, 01 đảng bộ thị xã, 01 đảng bộ thành phố, 03 đảng bộ thuộc lực lượng vũ trang và 01 Đảng bộ Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh) với 791 TCCSĐ. Trong đó, có 497 chi bộ cơ sở¹, 294 đảng bộ cơ sở², so với năm 2010 giảm 02 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, giảm 36 TCCSĐ³.

Trong những năm qua, các cấp ủy đảng trực thuộc Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực; văn hoá - xã hội tiếp tục phát triển, công tác đổi mới giáo dục từng bước đạt hiệu quả; công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ; giải quyết đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách; an sinh xã hội, đời sống nhân dân được cải thiện. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và các đoàn thể có nhiều chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, Quảng Ngãi vẫn là tỉnh có điều kiện kinh tế, xã hội còn nhiều khó khăn, nhất là các huyện miền núi; trình độ dân trí không đồng đều giữa các vùng miền, tỷ lệ hộ nghèo còn cao (đến cuối năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo còn 6,91% và cận nghèo còn 6,53%⁴); tình hình dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh tiếp tục diễn biến phức tạp, ảnh hưởng lớn đến các hoạt động kinh tế, xã hội và đời sống nhân dân. Những khó khăn đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến các mặt công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị, nhất là công tác xây dựng TCCSĐ và đội ngũ đảng

¹ Số liệu chi bộ cơ sở giảm 12 chi bộ so với năm 2010, gồm: Thành ủy giảm 01; Đức Phổ giảm 04; Sơn Tịnh giảm 01; Minh Long giảm 01; Nghĩa Hành giảm 02; Ba Tơ giảm 01; Sơn Hà giảm 02. Tăng 01 chi bộ ở Đảng ủy Công an tỉnh.

² Số liệu đảng bộ cơ sở thay đổi là do Thành ủy tăng 01 đảng bộ.

³ Năm 2010, Đảng bộ tỉnh có 827 TCCSĐ (283 đảng bộ, 544 chi bộ), trong đó có 06 đảng bộ bộ phận và 2.397 chi bộ trực thuộc với 37.190 đảng viên.

⁴ Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2020 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh.

viên; trong đó, vai trò lãnh đạo, chỉ đạo các mặt công tác ở một số loại hình TCCSĐ chưa được phát huy; chế độ, chính sách cho cán bộ cấp cơ sở, nhất là cấp thôn, tổ dân phố còn thấp, một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu, thiếu rèn luyện tu dưỡng, vi phạm nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng, pháp luật của Nhà nước.

Trước bối cảnh tình hình đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của TCCSĐ và đội ngũ đảng viên, bảo đảm tính lãnh đạo, chiến đấu, đạt mục tiêu xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh từ cơ sở trong giai đoạn hiện nay là hết sức cần thiết.

II. Thực trạng công tác xây dựng TCCSĐ và đội ngũ đảng viên

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

1.1. *Việc ban hành và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện một số nghị quyết, đề án chuyên đề tạo sự chuyển biến rõ nét về xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên của cấp ủy cấp tỉnh*

Căn cứ vào các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã cụ thể hóa ban hành hơn 120 văn bản để chỉ đạo triển khai thực hiện (*Chi tiết có Phụ lục 01 kèm theo*). Nhìn chung, việc ban hành và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện các nghị quyết, đề án, chỉ thị về lĩnh vực này đã tạo chuyển biến rõ nét về xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên của cấp ủy các cấp, nhất là, sau 05 năm thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 10/11/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ (*sau đây viết tắt là Chỉ thị số 14*) đã đạt được một số kết quả tích cực. Nhiều TCCSĐ được kiện toàn, củng cố kịp thời, từng bước bảo đảm yêu cầu lãnh đạo toàn diện hệ thống chính trị ở cơ sở; chất lượng sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ được nâng lên; phần lớn TCCSĐ đã giữ vững và phát huy được vai trò hạt nhân chính trị ở cơ sở, dân chủ trong Đảng và trong xã hội được mở rộng; công tác kết nạp và quản lý đảng viên được quan tâm và thực hiện chặt chẽ hơn.

Để tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng TCCSĐ và phát triển đảng viên trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 11-CT/TU ngày 30/8/2021 về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của TCCSĐ và chất lượng đội ngũ đảng viên (*sau đây viết tắt là Chỉ thị số 11*), với mục tiêu phấn đấu: "*Đến năm 2025 kết nạp bình quân trên 2.000 đảng viên/năm, đến năm 2030 đạt mức bình quân chung của cả nước về số đảng viên/dân số,... nâng cao tỷ lệ đảng viên là người theo tôn giáo; chấm dứt tình trạng trường thôn, tổ trưởng tổ dân phố, trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố không phải là đảng viên*".

1.2. *Một số giải pháp đột phá, có hiệu quả trong lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy cấp tỉnh, cấp ủy cấp huyện đối với công tác xây dựng TCCSĐ và đội ngũ đảng viên*

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có những chủ trương, giải pháp đột phá:

- Chỉ đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổ chức mạng lưới cộng tác viên dư luận xã hội từ tỉnh đến cơ sở, báo cáo cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy mỗi tháng 02 lần; biên soạn và phát hành bản tin Thông báo nội bộ phục vụ công tác lãnh đạo và sinh hoạt chi bộ trên địa bàn tỉnh⁵.

- Chỉ đạo các cơ quan báo chí của tỉnh xây dựng chuyên mục giới thiệu những nội dung cơ bản của Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 02/02/2008 của Ban Chấp hành Trung ương khóa X "về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của TCCSĐ và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên" gắn với Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 30/3/2007 của Ban Bí thư về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ để tuyên truyền, phổ biến trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

- Ban hành Chỉ thị số 14 và tổ chức tổng kết 05 năm thực hiện; qua đánh giá kết quả thực hiện Chỉ thị số 14 đã ban hành Chỉ thị số 11-CT/TU ngày 30/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của TCCSĐ và chất lượng đội ngũ đảng viên để tổ chức triển khai thực hiện trong thời gian đến. Thành lập các Ban Chỉ đạo kịp thời chỉ đạo các mặt công tác xây dựng Đảng⁶.

- Ban hành: Đề án thí điểm mô hình "*Dân tin - Đảng cử*" tại các huyện Ba Tơ, Tư Nghĩa và Bình Sơn; Bộ tiêu chí đánh giá, phân loại tổ chức đảng và đảng viên.

- Sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) và Nghị quyết số 867/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi, đã hợp nhất Đảng bộ Khối Cơ quan tỉnh và Đảng bộ Khối Doanh nghiệp tỉnh thành Đảng bộ khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh, chuyển giao một số tổ chức đảng là doanh nghiệp ngoài nhà nước về địa phương quản lý; sáp nhập Đảng bộ huyện Tây Trà vào Đảng bộ huyện Trà Bồng.

- Phân công Tỉnh ủy viên về tham dự sinh hoạt tại chi bộ, đảng bộ cơ sở.

- Chỉ đạo cấp ủy cấp huyện và tương đương, căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương, đơn vị cụ thể hóa, ban hành văn bản chỉ đạo; qua đó, 100% đảng bộ cấp huyện đã làm tốt việc phân công đồng chí là ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành tham gia sinh hoạt chi bộ thôn, tổ dân phố; ở những nơi có tổ chức Đảng thuộc loại hình biên phòng thì đều thực hiện việc phân công đảng viên đồn

⁵ Về số lượng phát hành: Năm 2008 - 2009: Phát hành 3.200 cuốn/01 số (12 số/năm); Năm 2010: Phát hành 4.000 cuốn/01 số; Từ năm 2013 - 2016: Phát hành 4.100 cuốn/01 số; Từ năm 2017 - 2020: Phát hành 4.500 cuốn/01 số; năm 2021: Phát hành 4.300 cuốn/01 số.

Đối tượng phát hành: Các đồng chí Tỉnh ủy viên; trưởng các sở, ban, ngành, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; bí thư, phó bí thư, trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; báo cáo viên Trung ương, báo cáo viên Tỉnh ủy, báo cáo viên các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; các chi, đảng bộ trong toàn tỉnh; hội viên Câu lạc bộ Lê Trung Đình; người có uy tín trong đồng bào các dân tộc thiểu số cấp tỉnh, huyện.

⁶ Thành lập Ban Chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại và chống "diễn biến hòa bình"; Ban Chỉ đạo về thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở; Ban Chỉ đạo công tác Tôn giáo tỉnh; Ban Chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại tỉnh Quảng Ngãi; Ban Chỉ đạo xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể trong các đơn vị kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Biên phòng phụ trách hộ gia đình ở khu vực biên giới biên của tỉnh; chỉ đạo thực hiện chủ trương mô hình bí thư, phó bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn, tổ dân phố hoặc trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố ở những nơi có điều kiện.

2. Xây dựng TCCSD

2.1. Về xây dựng, kiện toàn, sắp xếp các loại hình TCCSD

a) Việc kiện toàn, sắp xếp TCCSD thông qua thực hiện các đề án về đổi mới, sắp xếp bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả ở địa phương, cơ quan, đơn vị; việc thực hiện Hướng dẫn số 38-HD/BTCTW ngày 09/3/2010 của Ban Tổ chức Trung ương về xây dựng và hoàn thiện mô hình tổ chức của một số loại hình TCCSD (*sau đây viết tắt là Hướng dẫn số 38*),...

Thực hiện Hướng dẫn số 38, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Công văn 964-CV/TU ngày 26/4/2012 về việc chỉ đạo triển khai thực hiện thí điểm Hướng dẫn số 38; Ban Tổ chức Tỉnh ủy ban hành Hướng dẫn số 06-HD/BTCTU ngày 09/5/2012 về thành lập đảng bộ cơ sở cơ quan Đảng, đoàn thể và đảng bộ cơ sở cơ quan chính quyền trực thuộc huyện ủy và chọn 04/14 địa phương làm thí điểm (*huyện Ba Tơ, Nghĩa Hành, Sơn Hà và Bình Sơn*). Tuy nhiên, qua một năm thực hiện thí điểm, Ban Tổ chức Tỉnh ủy nhận thấy việc thành lập 02 đảng bộ theo Hướng dẫn 38 đã bộc lộ nhiều khó khăn, vướng mắc, không phù hợp với địa phương⁷. Năm 2014, Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy giải thể mô hình này, đồng thời, hướng dẫn ban thường vụ cấp ủy cấp huyện và tương đương thực hiện giải thể, chuyển giao, sáp nhập, nâng cấp và thành lập mới hơn 352 trường hợp; trong đó, trực tiếp ban hành văn bản đề nghị các địa phương, đơn vị giải thể và chuyển giao tổ chức đảng phù hợp với thực tiễn⁸.

Việc kiện toàn, củng cố đảng ủy xã, phường, thị trấn cũng được thực hiện kịp thời, bảo đảm quy định của Đảng. Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) và Kế hoạch số 07-KH/TW ngày 27/11/2017 của Bộ Chính trị về việc thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW, 19-NQ/TW, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã xây dựng, phê duyệt và triển khai thực hiện 10 đề án liên quan đến sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức, bộ máy của cả hệ thống chính trị⁹: Có 13 địa phương hợp nhất Văn phòng cấp ủy với Văn

⁷ Việc thành lập 02 đảng bộ theo mô hình này, đối với huyện chỉ giảm số tổ chức cơ sở đảng, nhưng ngược lại thì tăng thêm khâu trung gian, đầu mối tổ chức đảng, vì trước đây, mỗi cơ quan, phòng, ban là một chi bộ cơ sở trực thuộc huyện ủy, khi thực hiện theo Hướng dẫn 38, số lượng các chi bộ này trực thuộc 02 đảng bộ cơ sở không giảm nhưng lại tăng thêm 02 đảng bộ cơ sở.

⁸ Việc giải thể và chuyển giao đảng viên của các chi bộ bưu điện trực thuộc 13 huyện về đảng bộ Bưu điện tỉnh thuộc Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh; chuyển Đảng bộ trường Đại học Kinh tế tài chính trực thuộc Huyện ủy Tư Nghĩa về trực thuộc Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh; chuyển Chi bộ Công ty Cổ phần thanh niên xung phong trực thuộc Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh về trực thuộc Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh; giải thể Đảng bộ Hội Doanh nghiệp tỉnh trực thuộc Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh để thành lập chi bộ cơ sở cho phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; hướng dẫn chuyển giao và tiếp nhận 13 đảng bộ xã, thị trấn thuộc Đảng bộ huyện Tư Nghĩa và huyện Sơn Tịnh về trực thuộc Đảng bộ thành phố Quảng Ngãi theo Nghị quyết số 123/NQ-CP ngày 12/12/2013 của Chính phủ; giải thể mô hình đảng bộ cơ sở cơ quan Đảng, đoàn thể và đảng bộ cơ sở cơ quan chính quyền trực thuộc huyện ủy.

⁹ Đề án sắp xếp, đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị huyện Lý Sơn; Đề án thống nhất Văn phòng Tỉnh ủy phục vụ chung các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; Đề án mở rộng và tổ chức thực hiện mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công, cơ chế một cửa, một cửa liên thông ở các cấp bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh gọn đầu mối bên trong gắn với hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ,

phòng Hội đồng nhân dân (HĐND) và Ủy ban nhân dân (UBND); 08 địa phương hợp nhất ban tổ chức cấp ủy với phòng nội vụ; 07 địa phương thực hiện hợp nhất ủy ban kiểm tra với thanh tra; có hai địa phương (*Đức Phổ và Lý Sơn*) thực hiện thí điểm sáp nhập Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện vào Ban Tuyên giáo Huyện ủy; có hai địa phương (*Lý Sơn và Bình Sơn*) thực hiện thí điểm thành lập Cơ quan tham mưu, giúp việc chung khối Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Theo đó, đã tiến hành thành lập 31 TCCSĐ tương ứng. Riêng xã, phường, thị trấn, trước khi sáp nhập, chia tách có 184 đảng bộ xã, phường, thị trấn (trong đó 9 phường, 10 thị trấn), sau khi chia tách, sáp nhập giảm 11 xã, còn 173 xã, phường, thị trấn (*17 phường, 08 thị trấn, 148 xã*).

Giai đoạn 2016 - 2020, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định chuyển giao Đảng bộ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi và Chi nhánh Dung Quất về trực thuộc Đảng bộ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam; tiếp nhận Đảng bộ Công ty Cổ phần Xây dựng đô thị và Khu công nghiệp trực thuộc Đảng ủy Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP về trực thuộc Đảng bộ Khối Doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi (*nay là Đảng bộ khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh*). Cấp ủy cấp huyện và tương đương đã thực hiện 373 lượt kiện toàn, sắp xếp TCCSĐ, trong đó thành lập mới (*bao gồm cả hợp nhất, sáp nhập*) là 129 tổ chức; giải thể 244 tổ chức¹⁰. Đến ngày 30/12/2020, toàn tỉnh có 802 TCCSĐ¹¹.

Hiện nay, Đảng bộ tỉnh có các loại hình TCCSĐ¹² sau:

- *Xã, phường, thị trấn*: Có 173 đảng bộ với 1.676 chi bộ trực thuộc.
- *Cơ quan hành chính*: có 327 TCCSĐ.
- *Đơn vị sự nghiệp*: Có 107 TCCSĐ.
- *Quân đội, công an*: Có 74 TCCSĐ.
- *Doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước*: Có 92 TCCSĐ.
- *TCCSĐ khác*: Có 18 chi bộ cơ sở (*06 chi bộ thôn được thành lập sau khi giải thể 3 đảng bộ xã ở Lý Sơn*).

b) Việc kiện toàn, sắp xếp, hoàn thiện mô hình các chi bộ trực thuộc đảng ủy: xã, phường, thị trấn; cơ quan hành chính; đơn vị sự nghiệp; các loại hình doanh nghiệp; tổ chức đảng trong lực lượng vũ trang; ngoài nước

quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của từng tổ chức; cắt giảm số lượng ban, phòng của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong của các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; Đề án tổ chức hợp nhất Đảng bộ Khối Doanh nghiệp tỉnh và Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh thành Đảng bộ Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh; Đề án hợp nhất Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh thành một Văn phòng tham mưu, giúp việc chung; Đề án hợp nhất Văn phòng cấp ủy - Văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND cấp huyện, thành 01 Văn phòng chung cấp huyện; Đề án sắp xếp các cơ quan chuyên môn cấp huyện theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

¹⁰ Đã được phân tích tại Biểu số 1B.

¹¹ Đã được phân tích tại Biểu số 1A.

¹² Số liệu được tính tại thời điểm 30/6/2021.

Việc lãnh đạo, chỉ đạo kiện toàn, sắp xếp, hoàn thiện mô hình các chi bộ trực thuộc đảng ủy: xã, phường, thị trấn; cơ quan hành chính; đơn vị sự nghiệp; các loại hình doanh nghiệp; tổ chức đảng trong lực lượng vũ trang cũng được cấp ủy cơ sở thường xuyên quan tâm, chú trọng hơn. Thực hiện Đề án hợp nhất, sáp nhập¹³, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo các đảng bộ cấp huyện và tương đương chuyển giao và tiếp nhận 221 tổ chức đảng. Trong giai đoạn 2010 - 2020, Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo chuyển giao, sắp xếp các tổ chức đảng kho bạc nhà nước trực thuộc cấp huyện về trực thuộc Đảng bộ Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi; chuyển giao 14 tổ chức đảng và đảng viên trực thuộc huyện ủy, thị ủy, thành ủy về Đảng bộ Cục Thuế tỉnh trực thuộc Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh (*nay là Đảng bộ Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh*). Giải thể 184 chi bộ cơ quan xã, phường, thị trấn chuyển đảng viên về sinh hoạt tại chi bộ thôn, tổ dân phố. Đến ngày 30/12/2020, toàn tỉnh có 2.487 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở, giảm so với năm 2016 là 205 chi bộ¹⁴.

Hiện nay, toàn tỉnh có 3.053 chi bộ trong đó có 2.556 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở với **47.803** đảng viên¹⁵. Có 81 chi bộ sinh hoạt ghép với 385 đảng viên; chi bộ có từ 3-9 đảng viên: 878 chi bộ; chi bộ có từ 9-30 đảng viên: 1.810 chi bộ; chi bộ có trên 30-100 đảng viên: 334 chi bộ; chi bộ có trên 100 đảng viên trở lên: 31 chi bộ; có 1.961 chi bộ có cấp ủy¹⁶.

c) Việc xây dựng, phát triển tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước theo Kết luận số 80-KL/TW ngày 29/7/2010 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW ngày 23/11/1996 của Bộ Chính trị (khóa VIII) "về tăng cường công tác xây dựng Đảng, các đoàn thể nhân dân trong các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài" trong tình hình mới (*sau đây viết tắt là Kết luận số 80*), Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 18/3/2019 của Ban Bí thư về tăng cường xây dựng tổ chức đảng trong các đơn vị kinh tế tư nhân (*sau đây viết tắt là Chỉ thị số 33*).

Quán triệt và thực hiện Kết luận số 80, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kết luận số 105-KL/TU ngày 09/5/2011 "về tổng kết tình hình thực hiện Chỉ thị 07-CT/TW ngày 23/11/1996 của Bộ Chính trị từ năm 2006 đến nay; triển khai thực hiện Kết luận số 80". Gắn với việc triển khai thực hiện Thông báo kết luận số 22-TB/TW ngày 11/4/2017 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Kết luận số 80 và Chỉ thị số 33, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành nhiều văn bản chỉ đạo¹⁷ và đã thành

¹³ Đề án hợp nhất Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh và Đảng bộ Khối Doanh nghiệp tỉnh thành Đảng bộ Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo chuyển giao và tiếp nhận 148 tổ chức đảng; Đề án sáp nhập huyện Trà Trà và huyện Trà Bồng thành huyện Trà Bồng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo chuyển giao và tiếp nhận 73 tổ chức đảng.

¹⁴ Theo biểu phân tích 1A.

¹⁵ Theo tổng hợp số liệu báo cáo của 17 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy tại thời điểm 30/6/2021.

¹⁶ Số liệu được lấy tại thời điểm năm 2020, về kết quả đại hội chi bộ trực thuộc, chi bộ cơ sở. Riêng các loại hình chi bộ, thôn, tổ dân phố; chi bộ công an xã; chi bộ quân sự xã được cập nhật theo số liệu tháng 5/2021.

¹⁷ Các văn bản của Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Công văn số 1790-CV/TU ngày 27/4/2017; Công văn số 1881-CV/TU ngày 29/5/2017 về việc thực hiện Thông báo số 22-TB/TW ngày 11/4/2017 của Ban Bí thư về tăng cường công tác xây dựng đảng, các đoàn thể nhân dân trong các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công

lập Ban Chỉ đạo xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể trong các đơn vị kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh¹⁸. Ban Chỉ đạo đã ban hành Quy chế làm việc, Thông báo phân công nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo. Đến nay, toàn tỉnh đã thành lập được 12 tổ chức đảng (*Tư Nghĩa: 05, Nghĩa Hành: 01, Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh: 06*).

Nhìn chung, cấp ủy các cấp căn cứ vào các chủ trương, chính sách về phát triển tổ chức đảng, đảng viên được nêu tại các chỉ thị, nghị quyết, kết luận, quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước¹⁹ để chỉ đạo thực hiện. Kết quả đến nay, toàn tỉnh có 71 tổ chức đảng là doanh nghiệp ngoài nhà nước với 1.218 đảng viên.

d) Việc xây dựng chi bộ ở những nơi khó khăn (*thôn, tổ dân phố chưa có đảng viên, chưa có chi bộ; ở nơi có đông đồng bào dân tộc thiểu số; đồng bào theo tôn giáo*)

Cấp ủy các cấp đều chủ động, tập trung, quan tâm xây dựng tổ chức đảng ở những nơi khó khăn. Trong đó, tập trung, chú trọng đến miền núi, hải đảo, vùng đồng bào; dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; ở nơi có đồng bào theo tôn giáo. Đến nay, có 954/954 thôn, tổ dân phố có chi bộ (*360 chi bộ thôn thuộc vùng đặc biệt khó khăn*²⁰).

Nhìn chung, cấp ủy các cấp đã thực hiện tốt các giải pháp bền vững mỗi thôn, tổ dân phố là 01 chi bộ, không có chi bộ thôn, tổ dân phố sinh hoạt ghép, tăng cường công tác phát triển đảng, để bảo đảm vai trò lãnh đạo của chi bộ ở thôn, tổ dân phố; quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần, thực hiện tốt các chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào theo tôn giáo. Đến nay, toàn tỉnh có

ty cổ phần tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong tình hình mới; Công văn số 3575-CV/TU ngày 06/5/2019 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 33.

¹⁸ Quyết định số 1599-QĐ/TU ngày 15/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể trong các đơn vị kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 173-QĐ/TU ngày 08/3/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kiện toàn Ban Chỉ đạo.

¹⁹ Các nghị quyết của Trung ương về phát triển kinh tế tư nhân; Kết luận số 80-KL/TW ngày 29/7/2010 của Ban Bí thư “về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) trong tình hình mới” và Thông báo số 22-TB/TW ngày 11/4/2017 của Ban Bí thư “về tiếp tục thực hiện Kết luận số 80-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa X”; Nghị định số 98/2014/NĐ-CP ngày 24/10/2014 “Quy định việc thành lập tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội tại doanh nghiệp mọi thành phần kinh tế”; Các quy định về chức năng, nhiệm vụ và tình hình hoạt động và của các loại hình TCCSĐ ở các đơn vị kinh tế tư nhân: Quy định số 163-QĐ/TW ngày 15/4/2006 của Ban Bí thư về “Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong trường học, bệnh viện ngoài công lập”, Quy định số 164-QĐ/TW ngày 15/4/2006 của Ban Bí thư về “Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (gọi chung là hợp tác xã)”, Quy định số 288-QĐ/TW ngày 08/02/2010 của Ban Bí thư về “Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, trong đó Nhà nước sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở xuống (gọi chung là công ty)”,...; Hướng dẫn số 38-HD/BTCTW ngày 09/3/2010 của Ban Tổ chức Trung ương về xây dựng và hoàn thiện mô hình của một số loại hình tổ chức cơ sở đảng; Hướng dẫn số 21-HD/BTCTW ngày 17/10/2013 của Ban Tổ chức Trung ương “việc xây dựng mô hình tổ chức đảng ở khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, cụm công nghiệp”; Quy định số 15-QĐ/TW ngày 28/8/2006 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X “về đảng viên làm kinh tế tư nhân”; Hướng dẫn số 17-HD/BTCTW ngày 30/01/2013 của Ban Tổ chức Trung ương “về việc thực hiện thí điểm việc kết nạp những người là chủ doanh nghiệp tư nhân vào Đảng”; Hướng dẫn số 09-HD/BTCTW (*nay là Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW ngày 06/7/2018 của Ban Tổ chức Trung ương "Một số vấn đề về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ"*); Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban Bí thư về ban hành quy định chế độ chi hoạt động công tác đảng của TCCSĐ, đảng bộ cấp trên cơ sở; Quy định số 342-QĐ/TW ngày 28/01/2010 của Bộ Chính trị về chế độ đảng phí; Quy định số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2008 của Ban Bí thư về chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp;...

²⁰ Gồm 261 thôn thuộc miền núi; 81 thôn đặc biệt khó khăn bãi ngang ven biển; 12 thôn thuộc vùng an toàn khu; 6 thôn thuộc đảo Lý Sơn.

913/954 chi bộ thôn, tổ dân phố có chi ủy (tỷ lệ 95,70%) tăng 10,22% so với năm 2010 và không còn thôn “trắng” đảng viên (giảm 05 thôn so với năm 2010).

e) Xây dựng TCCSD trong sạch, vững mạnh; củng cố các tổ chức cơ sở đảng yếu kém

Nhận thức rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của việc xây dựng TCCSD, nâng cao chất lượng đảng viên đối với công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới và hội nhập quốc tế, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cùng với cấp ủy các cấp tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, kết luận,... của Trung ương về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của TCCSD và chất lượng đội ngũ đảng viên trong toàn đảng bộ. Hằng năm, gắn với việc đánh giá, xếp loại TCCSD, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo cấp ủy các cấp phải xây dựng kế hoạch khắc phục những hạn chế, khuyết điểm của tổ chức đảng ngay sau khi có kết quả đánh giá, xếp loại. Nhờ đó, từ năm 2010 - 2020, kết quả đánh giá, xếp loại tổ chức đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ (HTTNV) đạt tỷ lệ cao²¹; kết quả đánh giá, xếp loại tổ chức đảng yếu kém cơ bản được khắc phục, giảm dần theo các năm²².

2.2. Về thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các loại hình TCCSD và quy chế làm việc của cấp ủy cơ sở, chi bộ

Trên cơ sở các quy định của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ của các loại hình TCCSD, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo sao lục và gửi đến cấp ủy cấp huyện và cấp ủy cơ sở để triển khai, tổ chức thực hiện.

Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng quy chế làm việc phù hợp với từng loại hình TCCSD, xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn của tập thể cấp ủy, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu. Qua rà soát, sửa đổi, bổ sung, nhìn chung các cấp ủy đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, từng bước đổi mới, phát huy dân chủ, hoạt động dần đi vào nề nếp, hiệu quả.

2.3. Về xây dựng đội ngũ cấp ủy viên, bí thư cấp ủy cơ sở

a) Trình độ, năng lực cấp ủy viên, bí thư cấp ủy, bí thư chi bộ

* **Đội ngũ cấp ủy cơ sở:** có 4.415 đồng chí; trong đó, người đồng bào dân tộc thiểu số: 553 đồng chí, chiếm tỷ lệ: 12,52%; Nữ: 794 đồng chí, chiếm tỷ lệ: 17,98%. Cụ thể:

- **Về trình độ chuyên môn:**

+ Trung cấp: 245 đồng chí, chiếm tỷ lệ: 5,75%

²¹ Năm 2010, tỷ lệ TCCSD HTTNV trở lên đạt tỷ lệ 90,97%, đến giai đoạn 2015 - 2020, cụ thể: Năm 2015, tỷ lệ TCCSD HTTNV trở lên đạt tỷ lệ 91,82%; Năm 2016, tỷ lệ TCCSD HTTNV trở lên đạt tỷ lệ 89,28%; Năm 2017, tỷ lệ TCCSD HTTNV trở lên đạt tỷ lệ 89,47%; Năm 2018, tỷ lệ TCCSD HTTNV trở lên đạt tỷ lệ 90,67%; Năm 2019, tỷ lệ TCCSD HTTNV trở lên đạt tỷ lệ 92,59%; Năm 2020, tỷ lệ TCCSD HTTNV trở lên đạt tỷ lệ 92,38%.

²² Năm 2010, tỷ lệ TCCSD yếu kém chiếm tỷ lệ 0,89%, đến giai đoạn 2015 - 2020, cụ thể: Năm 2015, tỷ lệ TCCSD yếu kém chiếm tỷ lệ 0,45%; Năm 2016, tỷ lệ TCCSD yếu kém chiếm tỷ lệ 0,66%; Năm 2017, tỷ lệ TCCSD yếu kém chiếm tỷ lệ 1,08%; Năm 2018, tỷ lệ TCCSD yếu kém chiếm tỷ lệ 0,88%; Năm 2019, tỷ lệ TCCSD yếu kém chiếm tỷ lệ 0,35%; Năm 2020, tỷ lệ TCCSD yếu kém chiếm tỷ lệ 0,12%.

+ Cao đẳng, đại học: 3.405 đồng chí, chiếm tỷ lệ: 77,12%

+ Sau đại học: 749 đồng chí, chiếm tỷ lệ: 16,96%

- Trình độ LLCT:

+ Trung cấp: 3.006 đồng chí, chiếm tỷ lệ: 68,09%

+ Cử nhân, cao cấp: 1.182 đồng chí, chiếm tỷ lệ: 26,77%

* **Đội ngũ bí thư cấp ủy (chi bộ) cơ sở: 781/791 đồng chí** (khuyết 10 đồng chí²³). Dân tộc thiểu số: 67 đồng chí, chiếm tỷ lệ: 8,58%; Nữ: 73 đồng chí, chiếm tỷ lệ: 9,35%.

- Về trình độ chuyên môn:

+ Trung cấp: 06 đồng chí, chiếm tỷ lệ: 0,77%

+ Cao đẳng, đại học: 547 đồng chí, chiếm tỷ lệ: 70,04%

+ Sau đại học: 226 đồng chí, chiếm tỷ lệ: 28,94%

- Trình độ LLCT:

+ Trung cấp: 243 đồng chí, chiếm tỷ lệ: 31,11%

+ Cử nhân, cao cấp: 505 đồng chí, chiếm tỷ lệ: 64,66%

(Biểu số 2 và 3 gửi kèm)

b) Công tác quy hoạch, chuẩn bị nhân sự cấp cơ sở; đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý, nghiệp vụ công tác đảng cho cấp ủy viên, bí thư cấp ủy, bí thư chi bộ

Các cấp ủy, tổ chức đảng trong Đảng bộ tỉnh đã triển khai thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ; trong quá trình thực hiện thường xuyên bám sát các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh. Do đó, công tác quy hoạch cán bộ các cấp nói chung, công tác quy hoạch cấp ủy cơ sở nói riêng được thực hiện theo đúng quy định, bảo đảm chất lượng, phương châm quy hoạch “động” và “mở”. Các cấp ủy cơ sở rà soát những người có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực, trình độ, có triển vọng phát triển để đưa vào quy hoạch cấp ủy, ban thường vụ, các chức danh chủ chốt cấp ủy, bảo đảm về cơ cấu, độ tuổi; đồng thời, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh quy hoạch. Hằng năm, tiến hành rà soát, đưa ra khỏi quy hoạch những cán bộ không đủ chuẩn theo chức danh, tín nhiệm thấp, năng lực hạn chế, vi phạm bị xử lý kỷ luật; đồng thời, bổ sung những nhân tố mới, có triển vọng phát triển. Với sự lãnh đạo, chỉ đạo tích cực của cấp ủy cấp trên, số lượng, chất lượng cán bộ đưa vào quy hoạch cấp ủy cơ sở, các chức danh chủ chốt cấp ủy, HĐND, UBND cấp xã được nâng lên qua các nhiệm kỳ.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cấp ủy viên cơ sở và cán bộ, công chức cơ sở được cấp ủy các cấp quan tâm thực hiện. Từ năm 2010 đến nay, Ban Thường

²³ Nghĩa Hành khuyết 05 ở chi bộ cơ sở; Bình Sơn khuyết 01 ở thị trấn; Sơn Hà khuyết 01 ở xã; Sơn Tây khuyết 01 ở xã; Đức Phổ khuyết 02 ở xã.

vụ Tỉnh ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức và phối hợp các cơ quan chức năng, các cơ sở đào tạo trong và ngoài tỉnh mở nhiều lớp đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và trình độ lý luận chính trị của cán bộ, công chức, viên chức trong tỉnh nhằm đáp ứng với yêu cầu tiêu chuẩn, chức danh cán bộ trong tình hình mới²⁴ (Biểu số 5 gửi kèm).

Công tác chuẩn bị nhân sự tại đại hội đảng cấp cơ sở được quan tâm chỉ đạo thực hiện; các chi, đảng bộ cơ sở đã xây dựng đề án nhân sự bảo đảm cơ cấu, số lượng theo quy định, xin ý kiến ban thường vụ cấp ủy cấp huyện; căn cứ đề án nhân sự đã được phê duyệt, các chi, đảng bộ cơ sở xây dựng phương án nhân sự cấp ủy, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy viên ủy ban kiểm tra cấp ủy; riêng các đảng ủy xã, phường, thị trấn việc chuẩn bị nhân sự cấp ủy được gắn với việc chuẩn bị nhân sự các chức danh lãnh đạo HĐND, UBND và thực hiện quy trình nhân sự theo đúng quy định. Danh sách nhân sự do cấp ủy triệu tập đại hội chuẩn bị để giới thiệu tham gia ban chấp hành, ban thường vụ có số dư theo đúng quy định; cơ bản đúng định hướng về cơ cấu, tỷ lệ cán bộ nữ, cán bộ trẻ và đổi mới 1/3 cấp ủy viên theo quy định; quy trình chuẩn bị nhân sự được thực hiện nghiêm túc, theo đúng hướng dẫn của cấp trên, bảo đảm dân chủ, khách quan; chất lượng nhân sự cấp ủy nhiệm kỳ sau cao hơn nhiệm kỳ trước, năng lực, trình độ của đội ngũ cấp ủy viên cơ sở, bí thư cấp ủy được nâng lên.

c) Việc thực hiện chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch HĐND cấp xã hoặc thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; thực hiện chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch UBND cấp xã ở những nơi đủ điều kiện

Trong thời gian qua, việc thực hiện chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch UBND ở cấp xã đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo với quan điểm: "*những nơi được chọn thực hiện chức danh bí thư đồng thời là chủ tịch UBND ở cấp xã cần chọn địa phương có tình hình kinh tế - xã hội tương đối ổn định, nội bộ đoàn kết và đã thực hiện tốt việc nhận xét đánh giá, quy hoạch, đào*

²⁴ Nhiệm kỳ 2010 - 2015: đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ: 35.102 cán bộ, công chức, viên chức (trong đó đào tạo trong nước 34.876 lượt người, đào tạo nước ngoài 226 lượt người); cử đào tạo tiến sĩ 23 người; đào tạo thạc sĩ 395 người; thu hút 23 thạc sĩ các chuyên ngành, 101 bác sĩ, dược sĩ về công tác tại tỉnh.

Nhiệm kỳ 2015 - 2020: đào tạo, bồi dưỡng 20.612 lượt, trong đó đào tạo chuyên môn là 6.712 lượt; đào tạo lý luận chính trị 5.352 lượt, trong đó cấp tỉnh đã cử 14 cán bộ, công chức đi đào tạo trình độ thạc sĩ (*trong đó có 01 công chức đi đào tạo thạc sĩ ở nước ngoài*); cử 63 cán bộ, công chức đi đào tạo đại học văn bằng 2 các chuyên ngành tổ chức, kiểm tra, dân vận, tôn giáo, chính trị học; cử 648 đồng chí đi đào tạo trình độ cao cấp lý luận chính trị; cử 43 đồng chí học Hoàn chỉnh chương trình cao cấp lý luận chính trị để cấp bằng cao cấp lý luận chính trị tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Học viện Chính trị khu vực; đã tổ chức 05 lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho 1.032 lượt cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, cấp huyện; cử 04 cán bộ đi học lớp bồi dưỡng cập nhật kiến thức dành cho Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Ủy viên dự khuyết BCH Trung ương Đảng và đối tượng 2 tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Đăng ký và cử 16 đồng chí thuộc đối tượng I đi bồi dưỡng quốc phòng, an ninh tại Học viện Quốc phòng; cử 33 cán bộ đi bồi dưỡng ngắn hạn, 01 cán bộ đi bồi dưỡng trung hạn ở nước ngoài theo Đề án 165, Ban Tổ chức Trung ương; cử 13 đồng chí Bí thư và 16 đồng chí Phó bí thư cấp ủy cấp huyện đi bồi dưỡng chức danh dành cho Bí thư cấp ủy cấp huyện và Phó bí thư cấp ủy cấp huyện tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; cử 18 đồng chí trưởng, phó ban chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy tham gia các lớp bồi dưỡng theo chức danh và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; cho ý kiến thống nhất cử 54 cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đi bồi dưỡng kiến thức, năng lực lãnh đạo, quản lý cấp sở, cấp huyện và 17 đồng chí đi bồi dưỡng ngạch chuyên viên cao cấp. Cử 222 đồng chí tham gia học các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tổ chức xây dựng đảng, công tác tuyên giáo, công tác dân vận.

tao, bồi dưỡng cán bộ. Công tác lựa chọn, chuẩn bị nhân sự được thực hiện chặt chẽ, là nhân sự phải được tin nhiệm cao của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân địa phương, thật sự có năng lực, có trình độ, có khả năng, có kinh nghiệm lãnh đạo, điều hành cả công tác đảng, công tác chính quyền để xử lý và giải quyết công việc". Năm 2010, thực hiện thí điểm chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời chủ tịch UBND xã tại 5 xã, thị trấn²⁵. Đến ngày 30/12/2020, toàn tỉnh có 15 xã, phường, thị trấn thực hiện chủ trương bí thư đồng thời là chủ tịch UBND có trình độ đào tạo đạt tiêu chuẩn theo quy định.

Ngoài việc thực hiện chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch HĐND cấp xã thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cũng được cấp ủy các cấp lựa chọn. Toàn Đảng bộ tỉnh có 90 đồng chí là bí thư kiêm chủ tịch HĐND cấp xã; 65 đồng chí là bí thư kiêm thủ trưởng doanh nghiệp (*chủ tịch hội đồng quản trị*); 334 đồng chí bí thư là thủ trưởng cơ quan, đơn vị (*Biểu số 4 gửi kèm*).

d) Việc nhất thể hóa bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố

Nhiệm kỳ 2015 - 2020, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 14. Trong đó, khuyến khích thực hiện mô hình bí thư kiêm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố ở những nơi có đủ điều kiện. Qua đó, giai đoạn 2016 - 2018 có 6,74% bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố; giai đoạn 2018 - 2020 tăng lên 13,73% bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.

Ngoài ra, những nơi chưa thực hiện được mô hình "bí thư, phó bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố", ban thường vụ huyện ủy, thị ủy, thành ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các địa phương bố trí thực hiện các mô hình cụ thể: Bí thư chi bộ kiêm trưởng ban công tác Mặt trận (*280/954 thôn, tổ dân phố, tỷ lệ 29,35%*); phó bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố (*587/954 thôn, tổ dân phố, tỷ lệ 61,53%*); phó bí thư chi bộ kiêm trưởng ban công tác Mặt trận (*225/954 thôn, tổ dân phố, tỷ lệ 23,58%*); hoặc phân công chi ủy viên hoặc đảng viên giữ chức trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố hoặc trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố. Cụ thể: 74 chi ủy viên, 128 đảng viên giữ chức trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố (tỷ lệ 7,76%); 262 chi ủy viên, 149 đảng viên giữ chức trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố (tỷ lệ 27,46%).

Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng mô hình bí thư chi bộ là trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, không nên áp đặt, tùy tình hình cụ thể của địa phương để lựa chọn mô hình cho phù hợp. Vì hiện nay, sau khi sắp xếp thôn, tổ dân phố, về quy mô diện tích, dân số, số hộ gia đình của thôn, tổ dân phố có quy mô lớn; hiện nay, việc quản lý theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và các công việc của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố đảm nhiệm rất nhiều. Còn một số bí thư chi bộ là cán bộ hưu lớn tuổi, sức khỏe có hạn, cán bộ từ phong trào thì trình độ, năng lực hạn chế. Việc thực hiện mô hình "bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố" vừa đảm nhiệm công việc của chi bộ, vừa đảm nhiệm công việc của trưởng

²⁵ Xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa; xã Bình Phú, huyện Bình Sơn; xã Phô An, thị xã Đức Phổ; xã Ba Điền, huyện Ba Tơ và thị trấn Chợ Chùa, huyện Nghĩa Hành.

thôn, tổ dân phố, dẫn đến khối lượng công việc quá nhiều, khó HTTNV chính trị ở thôn, tổ dân phố.

2.4. Về sinh hoạt đảng bộ, cấp ủy, chi bộ

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ theo Kết luận số 18-KL/TW ngày 22/9/2017 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 30/3/2007 của Ban Bí thư khóa X "Về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ" trong tình hình mới (*sau đây viết tắt là Kết luận số 18, Chỉ thị số 10*), Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW ngày 06/7/2018 của Ban Tổ chức Trung ương về một số vấn đề nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ (*sau đây viết tắt là Hướng dẫn số 12*). Việc ban hành tiêu chí và tổ chức đánh giá chất lượng sinh hoạt chi bộ.

Thực hiện Kết luận số 18, Hướng dẫn số 12, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo Ban Tổ chức Tỉnh ủy ban hành Hướng dẫn số 06-HD/BTCTU ngày 08/10/2018 về nội dung, khung tiêu chí đánh giá nâng cao chất lượng sinh hoạt định kỳ cho các loại hình chi bộ (*sau đây viết tắt là Hướng dẫn số 06*). Trên cơ sở đó, ban thường vụ huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy xây dựng và ban hành hướng dẫn nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ phù hợp với đặc điểm, tình hình của địa phương, cơ quan, đơn vị, bảo đảm hiệu quả, thiết thực. Cấp ủy cơ sở đã quán triệt, triển khai đến từng đảng viên thực hiện việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ.

b) Về sinh hoạt đảng bộ cơ sở thường kỳ hằng năm, sinh hoạt cấp ủy

100% đảng bộ cơ sở, cấp ủy cơ sở tổ chức thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt đảng theo Điều lệ Đảng, Quy định 29-QĐ/TW ngày 25/7/2016 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng (*nay là Quy định 24-QĐ/TW ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương*). Đảng bộ cơ sở họp thường lệ mỗi năm hai lần: 06 tháng đầu năm và tổng kết công tác cuối năm, họp bất thường khi cần thiết. Cấp ủy cơ sở họp định kỳ hằng tháng, nội dung họp cấp ủy được chuẩn bị đầy đủ, chi tiết. Trong sinh hoạt cấp ủy, người chủ trì cuộc họp đã gợi mở những vấn đề trọng tâm để cấp ủy tập trung thảo luận; qua đó, đã tạo không khí đoàn kết, dân chủ, thẳng thắn để cấp ủy thể hiện chính kiến của mình, tạo sự thống nhất cao trước khi biểu quyết, kết luận. Bên cạnh đó, thực hiện Quy chế chất vấn trong Đảng theo Quyết định số 158-QĐ/TW ngày 12/5/2008 của Bộ Chính trị và Hướng dẫn số 07-HD/UBKTTW ngày 30/7/2012 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, trong các kỳ họp của cấp ủy cơ sở, cấp ủy đã đưa nội dung chất vấn vào chương trình nhằm phát huy dân chủ, nâng cao trách nhiệm và năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng và đảng viên; qua đó, góp phần ngăn chặn, phòng ngừa vi phạm trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống của đảng viên; đồng thời, tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng.

c) Về chất lượng sinh hoạt chi bộ của từng loại hình chi bộ; đổi mới hình thức, nội dung nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Sinh hoạt chi bộ theo chuyên đề; sinh hoạt theo chủ đề việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Thực hiện Chỉ thị số 10 gắn với Kết luận số 18, Hướng dẫn số 12 và Hướng dẫn số 06, 100% cấp ủy, chi bộ đã triển khai nghiêm túc, tạo nhiều bước chuyển tích cực và đạt được một số kết quả. Trong đó, nội dung sinh hoạt cơ bản khắc phục được tính hình thức và đơn điệu; phương pháp, cách thức sinh hoạt chi bộ được đổi mới²⁶; chế độ sinh hoạt chi ủy, chi bộ định kỳ được duy trì thường xuyên, đúng quy định. Nhiều cấp ủy, chi bộ đưa thời gian họp vào lịch, kế hoạch ngay từ đầu năm để triển khai thực hiện²⁷. Tỷ lệ đảng viên tham gia sinh hoạt ở các loại hình chi bộ đạt từ 85% trở lên; trong đó, đảng viên sinh hoạt ở chi bộ thuộc lực lượng vũ trang đạt tỷ lệ 95%; đảng viên sinh hoạt ở chi bộ cơ quan hành chính đạt tỷ lệ 90%.

Cấp ủy các cấp, chi bộ quan tâm hơn đến việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện sinh hoạt chuyên đề mỗi quý một lần theo đúng quy định. Phần lớn các chuyên đề được các cấp triển khai sinh hoạt chủ yếu theo từng chủ đề gắn với Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và những vấn đề nổi cộm, phát sinh được chi bộ, đảng viên và nhân dân quan tâm²⁸.

2.5. Về kiểm điểm tự phê bình và phê bình; đánh giá, xếp loại chất lượng; khen thưởng, kỷ luật tổ chức đảng

a) Việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình của cấp ủy cơ sở; việc khắc phục hạn chế, khuyết điểm sau kiểm điểm

Gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII), thông qua sinh hoạt định kỳ hoặc công tác đánh giá, kiểm điểm vào cuối năm, công tác tự phê bình và phê bình được cấp ủy các cấp, tổ chức đảng thực hiện nghiêm túc, thể hiện quyết tâm cao khắc phục, sửa chữa những hạn chế, khuyết điểm. Qua đó, phần lớn những khuyết điểm, yếu kém đã được khắc phục có hiệu quả như: đổi mới, nâng cao chất lượng việc tổ chức quán triệt, học tập nghị quyết của Đảng; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; chất lượng chuẩn bị nội

²⁶ Trước khi sinh hoạt chi bộ các cấp ủy, bí thư, phó bí thư chi bộ chuẩn bị kỹ nội dung và đưa ra tập thể chi ủy thảo luận (đối với chi bộ có chi ủy) thống nhất về nội dung, chương trình sinh hoạt và đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ tháng qua, đề ra nhiệm vụ và giải pháp thực hiện trong tháng tới gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Nhiều chi bộ đã mở rộng dân chủ, nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình; thể hiện được tính lãnh đạo, tính giáo dục, tính chiến đấu.

²⁷ Tập trung vào các loại hình chi bộ thôn, tổ dân phố; chi bộ cơ quan hành chính; chi bộ trong lực lượng vũ trang (thời gian các chi bộ tổ chức sinh hoạt tập trung chủ yếu từ ngày 25 tháng trước đến ngày 05 tháng sau).

²⁸ Một số cấp ủy đã chủ động cụ thể hóa sinh hoạt với các chủ đề: “Tiết kiệm làm theo Bác”, “Cơ quan, đơn vị giúp xã, thôn khó khăn và cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức giúp đỡ hộ nghèo”, “Góp vốn xoay vòng”, “Xây dựng quỹ Nghĩa tình đồng đội”, “Hũ gạo tình thương”, “Heo đất tiết kiệm”, “Gây quỹ tương trợ cộng đồng”; “gần dân, giúp dân - đảng viên giúp hộ gia đình”, “Gần dân, sát việc”, “04 đúng - 04 phải - 03 sát”, “Giải pháp tiếp tục nâng cao chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức với phương châm thiết thực, hiệu quả, lấy sự hài lòng của người dân, làm thước đo chuẩn mực của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động”, “Huy động nguồn lực hỗ trợ trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh được khám và phẫu thuật”; “Kết nối những tấm lòng”, “Chăm sóc sức khỏe người dân và hỗ trợ người bệnh có hoàn cảnh khó khăn”, “Thi đua sản xuất kinh doanh giỏi”; mô hình: “03 có, 03 không”, mô hình “Sổ tay đảng viên học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”;...

dung các cuộc họp, hội nghị của cấp ủy; đổi mới các khâu trong quy trình công tác cán bộ; tinh thần tự phê bình và phê bình của cán bộ, đảng viên; kỷ luật Đảng, kỷ luật, kỷ cương hành chính; giải quyết khiếu nại, tố cáo, giải quyết các vụ việc tồn đọng kéo dài. Một số biện pháp được thực hiện như: chất vấn trong Đảng; bí thư cấp ủy trực tiếp đối thoại với nhân dân; kê khai, công khai tài sản và phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Để nâng cao tinh thần trách nhiệm trong thực hiện chức, trách, nhiệm vụ được giao, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Quyết định số 306-QĐ/TU ngày 25/5/2016 về Quy định trách nhiệm và xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

b) Về đánh giá, xếp loại chất lượng; khen thưởng, kỷ luật tổ chức đảng

- Công tác kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng được các cấp ủy, tổ chức đảng triển khai thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ theo quy định, hướng dẫn của Trung ương. Nhiều địa phương, đơn vị đã thành lập các tổ công tác do các đồng chí ủy viên ban thường vụ cấp ủy cấp huyện làm tổ trưởng để kiểm tra, thẩm định, đề xuất kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng cấp dưới. Trong đánh giá, đã nghiêm túc kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khoá XI, XII); sau đánh giá, xếp loại chất lượng cuối năm, cấp ủy cấp trên đã kịp thời chỉ đạo xây dựng kế hoạch, đề ra biện pháp củng cố, khắc phục hạn chế, khuyết điểm đã chỉ ra qua kiểm điểm đối với những tổ chức đảng không hoàn thành nhiệm vụ hoặc còn tồn tại nhiều mặt hạn chế, yếu kém. Nhìn chung, việc đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, dân chủ, khách quan, công khai, bảo đảm đúng quy định, hướng dẫn, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng.

- Công tác khen thưởng tổ chức đảng được cấp ủy các cấp thực hiện đúng các quy định của Trung ương, của tỉnh về chế độ khen thưởng định kỳ và đột xuất. Từ năm 2015 đến nay, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã khen thưởng cho 30 tổ chức đảng (*tặng cờ: 06 tổ chức, tặng bằng khen: 24 tổ chức*). Qua đó, khuyến khích các tập thể vươn lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

- Về thi hành kỷ luật tổ chức đảng được các cấp ủy thực hiện chặt chẽ, đúng phương châm, nguyên tắc, quy định, giúp tổ chức đảng nhận rõ khuyết điểm để có biện pháp sửa chữa, khắc phục. Qua đó, tăng cường kỷ cương, kỷ luật của Đảng, bảo đảm sự nghiêm minh của pháp luật và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Kết quả nhiệm kỳ 2015 - 2020, các cấp ủy, tổ chức đảng đã kiểm tra 2.471 tổ chức đảng (*nhiệm kỳ trước 1.782 tổ chức đảng*); giám sát 1.856 tổ chức đảng (*nhiệm kỳ trước là 1.148 tổ chức đảng*). Trong đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiểm tra 19 tổ chức đảng; giám sát chuyên đề 60 tổ chức đảng. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy kiểm tra 69 tổ chức đảng; giám sát chuyên đề 53 tổ chức đảng. Cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cấp huyện kiểm tra 338 tổ chức đảng; giám sát chuyên đề 297 tổ chức đảng. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy cấp huyện kiểm tra 371 tổ chức đảng; giám sát chuyên đề 397 tổ chức đảng; cấp ủy cơ sở kiểm tra 1.674 tổ chức đảng; giám sát chuyên đề 1.049 tổ

chức đảng. Thi hành kỷ luật đối với 17 tổ chức đảng (*nhiệm kỳ trước là 25 tổ chức đảng*), bằng các hình thức: 15 khiển trách và 02 cảnh cáo.

3. Xây dựng đội ngũ đảng viên

3.1. Về tình hình đội ngũ đảng viên

Tính đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có **54.363** đảng viên, tăng 40,98% so với đầu năm 2010²⁹; đông đảng viên nhất là Đảng bộ thành phố Quảng Ngãi: 9.575 đảng viên; có ít đảng viên nhất là Đảng bộ huyện Lý Sơn: 866 đảng viên (*chênh lệch 11,06 lần*). Trong đó:

- *Nữ*: 18.689 đồng chí, đạt tỷ lệ 34,38% (so với năm 2010³⁰ tăng 74,21%), bằng trung bình chung cả nước.

- *Đồng bào dân tộc thiểu số*³¹: 7.493 đồng chí, đạt tỷ lệ 13,78% (so với năm 2010³² tăng 36,65%).

- *Đảng viên là đoàn viên TNCS Hồ Chí Minh*: 13.342 đồng chí, đạt tỷ lệ 24,54% (so với năm 2010³³ tăng 78,11%), cao hơn bình quân chung cả nước khoảng 20%.

- *Đảng viên được miễn công tác và sinh hoạt đảng*: 3.868 đồng chí, đạt tỷ lệ 7,11 %. Trong đó, đảng viên được miễn công tác và sinh hoạt đảng vì tuổi cao, sức yếu 3.425 đảng viên.

- *Đảng viên là người theo tôn giáo*: 28 đảng viên³⁴, đạt tỷ lệ 0,05%, thấp hơn nhiều so với cả nước (*bình quân chung của cả nước khoảng 1,8%*). Trong đó, Phật giáo 12; Thiên chúa 10; Công giáo 04; Cao đài 01; Tin lành 01.

* Về chất lượng đội ngũ đảng viên hiện nay

- *Về độ tuổi*: Tuổi bình quân của đảng viên toàn Đảng bộ tỉnh: 43 tuổi, tương đương trung bình của cả nước. Trong đó: tuổi từ 18 - 30 tuổi: 9.313, đạt tỷ lệ 16,80%; tuổi từ 31 - 35 tuổi: 8.176, đạt tỷ lệ 15,04%; tuổi từ 36 - 40 tuổi: 7.212, đạt tỷ lệ 13,30%; tuổi từ 41 - 45 tuổi: 6.134, đạt tỷ lệ 11,28%; tuổi từ 46 - 50 tuổi: 4.887, đạt tỷ lệ 9,00%; tuổi từ 51 - 55 tuổi: 5.261, đạt tỷ lệ 9,70%; tuổi từ 56 - 60 tuổi: 4.241, đạt tỷ lệ 7,80%; trên 60 tuổi: 9.139, đạt tỷ lệ 16,83%.

²⁹ Cuối năm 2010, toàn tỉnh có 38.559 đảng viên.

³⁰ Cuối năm 2010, đảng viên là nữ có 10.955 người.

³¹ Hiện nay, toàn tỉnh có 187.090 người đồng bào dân tộc thiểu số, tỷ lệ 15,20% dân số toàn tỉnh. Trong đó: Dân tộc Hre: 133.104 người, tỷ lệ 10,81% trên tổng dân số; Dân tộc Co: 33.227 người, tỷ lệ 2,7% trên tổng dân số; Dân tộc Cadong: 19.689 người, tỷ lệ 1,6% trên tổng dân số. **Tập trung chủ yếu ở các huyện: Sơn Hà, Ba Tơ, Trà Bồng, Sơn Tây, Minh Long, Tư Nghĩa, cụ thể:** Sơn Hà: 64.892 người, tỷ lệ 34,68% trên tổng số dân tộc thiểu số; Ba Tơ: 49.188 người, tỷ lệ 26,29% trên tổng số dân tộc thiểu số; Trà Bồng: 35.013 người, tỷ lệ 18,71% trên tổng số dân tộc thiểu số; Sơn Tây: 18.170 người, tỷ lệ 9,71% trên tổng số dân tộc thiểu số; Minh Long: 13.536 người, tỷ lệ 7,24% trên tổng số dân tộc thiểu số; Tư Nghĩa: 2.442 người, tỷ lệ 1,31% trên tổng số dân tộc thiểu số (Số liệu do Cục Thống kê tỉnh cung cấp).

³² Cuối năm 2010, đảng viên là dân tộc thiểu số có 5.483 người.

³³ Cuối năm 2010, đảng viên là Đoàn TNCSHCM có 7.491 người.

³⁴ Bình Sơn: 06 (*Phật giáo*); Nghĩa Hành: 03 (*Phật giáo*); Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh: 10 (*Thiên chúa: 09, Cao đài: 01*); Ba Tơ: 02 (*Phật giáo*); Mộ Đức: 02 (*công giáo*); Thành phố Quảng Ngãi: 02 (*Công giáo: 01, Tin lành: 01*); Đức Phổ 01 (*Phật giáo*); Lý Sơn 01 (*Thiên chúa*), Minh Long 01 (*công giáo*).

- Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ, sơ cấp: 2.587, đạt tỷ lệ 4,76%; trung cấp: 2.109, đạt tỷ lệ 3,88%; cao đẳng: 6.213, đạt tỷ lệ 11,43%; đại học: 17.620, đạt tỷ lệ 32,41%; thạc sĩ: 1.280, đạt tỷ lệ 2,35%; tiến sĩ: 10, đạt tỷ lệ 0,02%.

- Về trình độ lý luận chính trị: Sơ cấp: 18.627, đạt tỷ lệ 34,26%; trung cấp: 9.862, đạt tỷ lệ 18,14% (thấp hơn bình quân của cả nước là 22,4%); cao cấp, cử nhân: 3.425, đạt tỷ lệ 6,30%.

3.2. Về công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng cho đội ngũ đảng viên

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy trong Đảng bộ tỉnh tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên bằng nhiều hình thức đa dạng. Kịp thời triển khai học tập, quán triệt, phổ biến các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến đội ngũ cán bộ, đảng viên bảo đảm thiết thực, trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, đơn vị. Chỉ đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy tổ chức mạng lưới cộng tác viên dư luận xã hội từ tỉnh đến cơ sở, báo cáo cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy mỗi tháng 02 lần; biên soạn và phát hành Bản tin Thông báo nội bộ phục vụ cho sinh hoạt chi bộ trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở đó, tại các buổi sinh hoạt chi bộ, bí thư chi, đảng bộ chọn lọc những nội dung Bản tin Thông báo nội bộ phù hợp với đặc thù của loại hình chi bộ để cung cấp, phổ biến cho đảng viên, giúp cán bộ, đảng viên nắm được những thông tin chính thống, phản bác lại các thông tin bịa đặt, bóp méo sự thật của các thế lực thù địch, góp phần nâng cao nhận thức về tư tưởng chính trị của đội ngũ cán bộ, đảng viên, củng cố lòng tin của quần chúng nhân dân vào đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp nghiêm túc chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh³⁵ gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; Kết luận số 94-TB/TW ngày 30/12/2002 của Ban Bí thư về tăng cường nhiệm vụ chống âm mưu “Diễn biến hoà bình” trên lĩnh vực tư tưởng - văn hoá; Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 27/7/2010 của Ban Bí thư về chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội. Chú trọng nắm bắt diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và quần chúng để chủ động thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của cấp ủy cấp trên, nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị.

Thực hiện Quy định số 101-QĐ/TW ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Công văn số 1980-CV/TU ngày 06/7/2017

³⁵ Qua 05 năm (2012 - 2016), cấp huyện có 404 tập thể và 677 cá nhân, cấp tỉnh có 50 tập thể và 118 cá nhân được biểu dương, khen thưởng trong học tập và làm theo lời Bác. Năm 2017, cấp huyện có hơn 400 tập thể và cá nhân, cấp tỉnh có 20 tập thể và 31 cá nhân được bình chọn, biểu dương, khen thưởng “Những tấm gương bình dị mà cao quý” học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

chỉ đạo các cơ quan, đơn vị hằng năm xây dựng, bổ sung chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ và cán bộ, đảng viên xây dựng, thực hiện cam kết cá nhân về tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu gắn với kế hoạch hành động làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và các quy định của Đảng³⁶.

3.3. Về công tác phát triển đảng viên

Trong những năm qua, các cấp ủy trong Đảng bộ tỉnh đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện công tác bồi dưỡng, tạo nguồn kết nạp đảng viên. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có nhiều văn bản chỉ đạo về công tác phát triển đảng viên³⁷. Trên cơ sở đó, các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy đã xây dựng kế hoạch phát triển đảng viên hằng năm, giao chỉ tiêu, kết nạp đảng viên tới từng tổ chức đảng trực thuộc. Trong đó, chú trọng phát triển đảng viên ở khu vực nông thôn, trong doanh nghiệp, đảng viên nữ, trẻ, người đồng bào dân tộc thiểu số, học sinh, sinh viên; chỉ đạo rà soát, thẩm định bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện, nhất là tiêu chuẩn chính trị; thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ các nguyên tắc, quy trình, thủ tục kết nạp đảng viên theo các quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng.

Nhiệm kỳ 2010 - 2015, toàn tỉnh kết nạp được 10.250 đảng viên mới. Trong đó, có 1.547 đảng viên là người đồng bào dân tộc thiểu số; 07 đảng viên là người có đạo; 6.882 đảng viên là đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (TNCSHCM); 16 đảng viên là lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp; 1.019 đảng viên là nhân viên, công nhân, lao động trong doanh nghiệp; 1.983 đảng viên là người làm nông, lâm, ngư nghiệp. Đảng viên có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên là 3.450 đồng chí.

Nhiệm kỳ 2015 - 2020, toàn tỉnh kết nạp được 8.657 đảng viên mới. Trong đó, có 1.426 đảng viên là người đồng bào dân tộc thiểu số; 07 đảng viên là người có đạo; 6.306 đảng viên là đoàn viên Đoàn TNCSHCM; 13 đảng viên là lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp; 787 đảng viên là nhân viên, công nhân, lao động trong doanh nghiệp; 1.158 đảng viên là người làm nông, lâm, ngư nghiệp. Đảng viên có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên là 4.381 đồng chí.

Nhìn chung, công tác phát triển đảng viên trong toàn tỉnh đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra (*ng nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh đề ra: hằng năm kết nạp đảng viên mới là 1.700 đảng viên*), chất lượng đội ngũ đảng viên mới được nâng lên về mọi mặt: trình độ chuyên môn, tuổi đời trẻ (*bình quân là 30 tuổi*), trình độ học vấn cao (*tỷ lệ*

³⁶ Nội bật là: (1) đã đưa việc học tập và làm theo Bác trở thành công việc thường xuyên của các cấp, các ngành, của mỗi cán bộ, đảng viên, hằng năm, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã tham mưu nội dung sinh hoạt chi bộ chuyên đề theo chủ điểm hàng quý về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh để các cấp ủy lựa chọn, hướng dẫn sinh hoạt trong cán bộ, đảng viên sát với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế; (2) Phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định số 306-QĐ/TU về quy định trách nhiệm và xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; (3) tổ chức chương trình ký cam kết trách nhiệm giữa Ban Thường vụ Tỉnh ủy với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương. Việc làm này đã được triển khai, nhân rộng, lan tỏa đến cơ sở. Sau khi tổ chức ký cam kết, tính chủ động, trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu chuyển biến tốt, khắc phục có hiệu quả bệnh nói nhiều làm ít, góp phần giải quyết những hạn chế, nổi cộm, bức xúc ở địa phương, cơ quan, đơn vị.

³⁷ Hướng dẫn số 04-HD/BTCTU ngày 28/3/2012 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về việc kết nạp đảng viên là học sinh trong các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh; Công văn số 1858-CV/TU ngày 22/5/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo công tác kết nạp đảng viên đối với người có đạo.

tốt nghiệp phổ thông trung học chiếm tỷ lệ 95%; trong đó, có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên chiếm tỷ lệ 51%) của nhiệm kỳ sau cao hơn nhiệm kỳ trước.

3.4. Về công tác quản lý đảng viên

Công tác quản lý và phân công nhiệm vụ cho đảng viên được cấp ủy các cấp thực hiện nghiêm túc, kết quả đạt được:

- *Việc phân công, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của đảng viên:* hầu hết các chi, đảng bộ rà soát, phân công nhiệm vụ phù hợp với sức khỏe, năng lực của đảng viên; tỷ lệ đảng viên được phân công nhiệm vụ trung bình hằng năm đạt tỷ lệ 90%. Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của đảng viên được chú trọng; định kỳ hằng tháng chi bộ tổ chức sinh hoạt để kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ tháng trước, bàn nhiệm vụ của tháng sau, thu nộp đảng phí theo quy định. Đảng viên đi làm kinh tế xa nơi cư trú, xuất khẩu lao động, đi tham quan, du lịch ở nước ngoài được hướng dẫn thủ tục báo cáo, chuyển sinh hoạt đảng và ghi sổ theo dõi, quản lý gắn với công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

- *Công tác quản lý hồ sơ đảng viên; chuyển sinh hoạt đảng:* đã được các cấp ủy và tổ chức đảng thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ theo các quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng. Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện các quy định về quản lý hồ sơ đảng viên tại các chi, đảng bộ cơ sở; chỉ đạo các chi, đảng bộ kịp thời bổ sung các thông tin, biến động liên quan đến đảng viên theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương. Hằng năm, cấp ủy cấp huyện thành lập các tổ kiểm tra tiến hành kiểm tra việc quản lý hồ sơ đảng viên tại các chi, đảng bộ cơ sở. Qua đó, đã kịp thời chấn chỉnh việc quản lý, khai thác, sử dụng hồ sơ đảng viên của các tổ chức đảng bảo đảm theo đúng quy định.

- *Việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình, đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên hằng năm:* được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, dân chủ, khách quan, công khai, bảo đảm đúng quy định, hướng dẫn, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên. Trong đánh giá, đã nghiêm túc kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khoá XI, XII), việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; sau đánh giá, đảng viên xây dựng kế hoạch, đề ra biện pháp củng cố, khắc phục hạn chế, khuyết điểm đã chỉ ra qua kiểm điểm. Qua đó, kết quả đánh giá, xếp loại đảng viên HTTNV trở lên đạt tỷ lệ cao³⁸; tỷ lệ đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ của năm sau thấp hơn năm trước³⁹.

³⁸ Năm 2010, tỷ lệ đảng viên HTTNV trở lên đạt 84,82%; đến giai đoạn 2015 - 2020: năm 2015, tỷ lệ đảng viên HTTNV trở lên đạt 91,82%; năm 2016, tỷ lệ đảng viên HTTNV trở lên đạt 89,47%; năm 2017, tỷ lệ đảng viên HTTNV trở lên đạt 90,67%; năm 2018, tỷ lệ đảng viên HTTNV trở lên đạt 92,59%; năm 2019, tỷ lệ đảng viên HTTNV trở lên đạt 92,67%; năm 2020, tỷ lệ đảng viên HTTNV trở lên đạt 92,38%.

³⁹ Năm 2010, tỷ lệ đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ chiếm 0,4%; đến giai đoạn 2015 - 2020: Năm 2015, tỷ lệ đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ chiếm 0,45%; năm 2016, tỷ lệ đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ chiếm 0,66 %; năm 2017, tỷ lệ đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ chiếm 1,08 %; năm 2018, tỷ lệ đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ chiếm 0,88%; năm 2019, tỷ lệ đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ chiếm 0,35%; năm 2020, tỷ lệ đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ chiếm 0,12 %.

- *Việc thực hiện quy định trách nhiệm của đảng viên đang công tác giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú:* 100% đảng viên đang công tác ở cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước, lực lượng vũ trang được giới thiệu về giữ mối liên hệ với cấp ủy và thực hiện nghĩa vụ ở nơi cư trú theo Quy định số 76-QĐ/TW ngày 15/6/2000 của Bộ Chính trị (*nay là Quy định số 213-QĐ/TW ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị*), góp phần thực hiện tốt công tác nhận xét, đánh giá khi tiến hành bỏ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, xếp loại cán bộ, đảng viên hằng năm.

- *Việc thực hiện giảm, miễn công tác và sinh hoạt đảng:* việc xét miễn công tác và sinh hoạt đảng cho đảng viên được các cấp ủy thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ theo đúng quy định, hướng dẫn của Trung ương. Hiện nay, toàn tỉnh có 3.868 đảng viên được miễn công tác và sinh hoạt đảng, chiếm tỷ lệ 7,11% tổng số đảng viên toàn tỉnh. Trong đó, có 3.425 đảng viên do tuổi cao, sức khỏe yếu, không thể tham gia sinh hoạt đảng (*Biểu số 10 gửi kèm*).

- *Việc quản lý đảng viên đi làm ăn xa nơi cư trú:* Các cấp ủy cơ sở đã tích cực, chủ động, tập trung nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý đảng viên, nhất là đảng viên đi làm ăn xa nơi cư trú. Các chi bộ duy trì nền nếp sinh hoạt định kỳ, tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, phân công nhiệm vụ cụ thể cho đảng viên, nâng cao nhận thức cho đảng viên về ý thức, trách nhiệm trong khi đi làm ăn xa nơi cư trú; việc miễn, tạm miễn sinh hoạt Đảng được thực hiện đúng đối tượng, nguyên tắc, thủ tục theo quy định. Hiện có 518 đảng viên đi làm ăn xa nơi cư trú, trong đó có 484 đảng viên được xét miễn công tác và sinh hoạt đảng; 34 đảng viên chưa được xét miễn công tác và sinh hoạt đảng (*Biểu số 11 gửi kèm*).

- *Công tác kiểm tra, giám sát, khen thưởng, kỷ luật đảng viên:* Công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp có nhiều đổi mới, đã ban hành đồng bộ các quy chế, quy trình hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát⁴⁰. Việc thi hành kỷ luật đảng viên được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định, giúp cho đảng viên nhận rõ hạn chế, khuyết điểm để có biện pháp sửa chữa, khắc phục. Qua đó, tăng cường kỷ cương, kỷ luật của Đảng, bảo đảm sự nghiêm minh của pháp luật và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, các cấp ủy, tổ chức đảng đã kiểm tra 2.773 đảng viên (*nhiệm kỳ trước là 2.185 đảng viên*); giám sát 2.793 đảng viên (*nhiệm kỳ trước là 1.078 đảng viên*). Trong đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiểm tra 24 đảng viên (*19 Tỉnh ủy viên*); giám sát chuyên đề 17 đảng viên (*11 Tỉnh ủy viên*). Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy kiểm tra 24 đảng viên (*10 Tỉnh ủy viên*); giám sát chuyên đề 17 đảng viên (*05 Tỉnh ủy viên*). Cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cấp huyện kiểm tra 230 đảng viên (*65 cấp ủy viên cấp huyện*); giám sát chuyên đề

⁴⁰ Các văn bản của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy: Quy định số 04-QĐ/UBKTTU ngày 14/3/2017 về việc tiếp nhận, xử lý đơn thư, tiếp đảng viên và công dân; Quy chế số 02-QC/UBKTTU ngày 05/12/2017 về công tác đối với cán bộ theo dõi địa bàn, lĩnh vực; Quy định số 01-QĐi/UBKTTU ngày 05/6/2018 về tổ chức và hoạt động của đoàn kiểm tra, giám sát; Quyết định số 164-QĐ/UBKTTU ngày 07/3/2018 về ban hành quy trình tiến hành công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật đảng; Quyết định số 257-QĐ/UBKTTU ngày 30/5/2019 ban hành Quy trình giám sát chuyên đề đối với tổ chức đảng và đảng viên; Quy định số 259-QĐ/UBKTTU ngày 30/5/2019 về việc tiếp nhận, xử lý đơn thư, tiếp đảng viên và công dân.

263 đảng viên (*69 cấp ủy viên cấp huyện*). Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy cấp huyện kiểm tra 98 đảng viên; giám sát chuyên đề 95 đảng viên; cấp ủy cơ sở kiểm tra 845 đảng viên; giám sát chuyên đề 810 đảng viên. Chi bộ kiểm tra 1.552 đảng viên và giám sát chuyên đề 1.591 đảng viên.

Các cấp ủy, tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra các cấp theo thẩm quyền đã thi hành kỷ luật đối với 1.053 đảng viên, bằng các hình thức: khiển trách 716, cảnh cáo 231, cách chức 42 và khai trừ 64 đảng viên. Trong đó, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thi hành kỷ luật 15 đảng viên (*08 Tỉnh ủy viên*) bằng các hình thức: 11 khiển trách, 01 cảnh cáo, 01 cách chức và 02 khai trừ (*Biểu số 9 gửi kèm*).

- *Công tác khen thưởng cho đảng viên*: Được thực hiện đảm bảo, kịp thời, đúng quy định. Từ năm 2010 đến nay, các cấp ủy đã khen thưởng định kỳ cho 1.323 đảng viên⁴¹, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã xét, tặng, truy tặng, tặng sớm Huy hiệu Đảng các loại cho 23.069 đảng viên.

- *Việc rà soát, sàng lọc, đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng*: Ban thường vụ cấp ủy cấp huyện tập trung chỉ đạo rà soát, sàng lọc đội ngũ đảng viên theo tinh thần Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 21/01/2019 của Ban Bí thư (*sau đây viết tắt là Chỉ thị số 28*). Kết quả, đã rà soát có 581 trường hợp (*328 trường hợp đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ; vi phạm chế độ chuyển sinh hoạt đảng 82; đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng, Nhà nước 160; thiếu gương mẫu, uy tín thấp 11*).

III. Đánh giá chung

1. Ưu điểm và nguyên nhân

- Trong những năm qua, cấp ủy các cấp trong tỉnh đã nghiêm túc triển khai, thực hiện các văn bản của Trung ương, của tỉnh về công tác xây dựng TCCSĐ và phát triển đảng viên. Ban Thường vụ Tỉnh ủy kịp thời ban hành Chỉ thị số 14 với nhiều nội dung sát thực tiễn, đi vào đời sống. Qua quá trình thực hiện, nhiều chi bộ, TCCSĐ đã phát huy được vai trò hạt nhân chính trị ở cơ sở, lãnh đạo cán bộ, đảng viên và Nhân dân thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy cấp trên và của chi bộ. Nền nếp sinh hoạt chi bộ được bảo đảm, nội dung sinh hoạt bám sát thực tiễn và kịp thời phổ biến, quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng đến cán bộ, đảng viên; phát huy dân chủ, từng bước đảm bảo tính lãnh đạo, tính giáo dục và tính chiến đấu của chi bộ; nhiều cách làm sáng tạo, phong phú trong việc phát huy tính nêu gương của cán bộ, đảng viên; khắc phục cơ bản tình trạng tổ trưởng tổ dân phố chưa phải là đảng viên và chi bộ thôn, tổ dân phố chưa có cấp ủy; đã thực hiện các mô hình kiêm nhiệm chức danh ở thôn, tổ dân phố đạt kết quả bước đầu.

- Hệ thống chính trị cơ sở thường xuyên được củng cố, kiện toàn, hoạt động của HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn đổi mới, chất lượng, hiệu quả công việc được nâng lên; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội luôn coi trọng việc đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động, thường xuyên tăng

⁴¹ Năm 2010: Giai đoạn 2015 - 2020: Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tặng bằng khen cho 126 đảng viên; ban thường vụ cấp huyện và tương đương đã tặng giấy khen cho 1.197 đảng viên.

cường khối đại đoàn kết toàn dân; mở rộng và thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

Nhiều mô hình tổ chức đảng được sắp xếp, kiện toàn tinh gọn, phù hợp với thực tiễn, hoạt động hiệu quả hơn, gắn với sắp xếp, kiện tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị hành chính. Các cấp ủy cơ sở thường xuyên rà soát, bổ sung quy chế làm việc; thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ; những yếu kém của các TCCSĐ được chỉ đạo khắc phục quyết liệt, phương thức lãnh đạo có nhiều đổi mới. Đã sắp xếp, giảm được một số đầu mối cơ quan, đơn vị hành chính của cấp huyện, xã, thôn, tổ dân phố. Theo đó, sắp xếp, sáp nhập các TCCSĐ, chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở phù hợp với đơn vị hành chính theo đúng quy định.

- Công tác xây dựng đội ngũ đảng viên được chú trọng, độ tuổi bình quân của đảng viên trong toàn tỉnh dần được trẻ hóa (*độ tuổi bình quân của đảng viên hiện nay là 43 tuổi, so với 45 tuổi năm 2016, so với 46 năm 2010*). Tỷ lệ phát triển đảng viên là nữ, người đồng bào dân tộc thiểu số được ổn định⁴². Tỷ lệ kết nạp đảng viên là sinh viên, học sinh và trong lực lượng công nhân, người lao động được tăng dần⁴³. Tỷ lệ đảng viên được đánh giá, xếp loại mức HTTNV trở lên chiếm tỷ lệ cao. Chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên ngày càng tăng, số lượng đảng viên được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ từ cao đẳng trở lên đạt tỷ lệ 46,21% và có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên đạt 24,44%.

- Công tác kiểm tra, giám sát có nhiều chuyển biến, đã kịp thời phát hiện, xử lý kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm. Qua đó đã giáo dục tổ chức đảng và đảng viên thực hiện nghiêm nguyên tắc sinh hoạt Đảng, quy định của Điều lệ Đảng và những điều đảng viên không được làm, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

* *Nguyên nhân đạt được những kết quả*: Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy trong Đảng bộ tỉnh đã chủ động, ban hành kịp thời, đồng bộ các nghị quyết, quy chế, quy định, chỉ thị, đề án, kế hoạch, kết luận về công tác xây dựng TCCSĐ và đảng viên bảo đảm đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương. Trong tổ chức thực hiện đã có nhiều đổi mới, sáng tạo, bảo đảm đồng bộ giữa chủ trương của Đảng với cơ chế, chính sách và nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của chính quyền các cấp; thường xuyên đổi mới tác phong công tác, lề lối làm việc theo hướng sâu sát, cụ thể, quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm; chủ động nghiên cứu những vấn đề nổi cộm, bức xúc ở cơ sở để ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết kịp thời, hiệu quả các vấn đề thực tiễn đặt ra.

⁴² Tỷ lệ nữ so với tổng số đảng viên được kết nạp vào Đảng: năm 2010, tỷ lệ 39,26%, so với giai đoạn 2016 - 2020, cụ thể: Năm 2016, tỷ lệ 48,66%; năm 2017, tỷ lệ 50,13%; năm 2018, tỷ lệ 48,91%; năm 2019, tỷ lệ 50,90%; năm 2020m tỷ lệ 46,64%. Tỷ lệ người đồng bào dân tộc so với tổng số đảng viên được kết nạp vào Đảng hằng năm: năm 2016, tỷ lệ 13,76%; năm 2017, tỷ lệ 15,47%; năm 2018, tỷ lệ 15,51%; năm 2019, tỷ lệ 16,74%; năm 2020, tỷ lệ 13,97%.

⁴³ Tỷ lệ sinh viên, học sinh so với tổng số đảng viên được kết nạp vào Đảng giai đoạn 2016 - 2020, cụ thể: năm 2016, tỷ lệ 1,78%; năm 2017, tỷ lệ 2,04%; năm 2018, tỷ lệ 2,12%; năm 2019, tỷ lệ 1,47%; năm 2020, tỷ lệ 3,53%. Tỷ lệ trong lực lượng công nhân, người lao động so với tổng số đảng viên được kết nạp vào Đảng hằng năm: năm 2016, tỷ lệ 2,87%; năm 2017, tỷ lệ 4,07%; năm 2018, tỷ lệ 4,78%; năm 2019, tỷ lệ 5,83%; năm 2020, tỷ lệ 5,86%.

- Chất lượng đội ngũ cấp ủy cơ sở được nâng lên cả về trình độ đào tạo và năng lực thực tiễn, đa số cán bộ, đảng viên có phẩm chất chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nêu cao tính tiên phong gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Các cấp ủy đã thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát nên đã kịp thời phát hiện, khắc phục những hạn chế, khuyết điểm, xử lý nghiêm những tổ chức đảng, đảng viên vi phạm.

2. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân

- Năng lực cụ thể hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng ở một số chi bộ để lãnh đạo đơn vị điều hành thực hiện nhiệm vụ chính trị trong thực tế của cơ quan, đơn vị còn hạn chế. Tình trạng vẫn còn cấp ủy, chi bộ chưa xem trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đảng viên, một số đảng viên chưa tham gia đầy đủ các buổi học tập, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Công tác quản lý đảng viên ở một số chi bộ, nhất là chi bộ ở địa bàn dân cư thiếu chặt chẽ. Nhiều đảng viên chưa thực hiện tốt trách nhiệm nêu gương, trong đó có cả đảng viên là lãnh đạo, quản lý các cấp; uy tín thấp trong quần chúng. Công tác nắm tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và dư luận xã hội của một số chi bộ còn hạn chế; năng lực lãnh đạo ở một số cấp ủy chi bộ chưa đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

- Chất lượng sinh hoạt chi bộ một số nơi chưa cao, nội dung sinh hoạt còn rập khuôn; đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ của chi bộ và đảng viên còn chung chung, chưa cụ thể, chưa sâu sát; nhiệm vụ, giải pháp đề ra để giải quyết vấn đề còn nặng tính lý thuyết, hạn chế hiệu quả lãnh đạo; thực hiện việc phân công nhiệm vụ cho đảng viên chưa rõ ràng. Việc tổ chức sinh hoạt chuyên đề của một số ít chi bộ hiệu quả chưa cao, thiếu sáng tạo, có nơi còn cứng nhắc, nặng về lý luận; chưa đảm bảo theo quy định, nhất là chưa có giải pháp thiết thực, sát với tình hình thực tế tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc ở cơ sở đặt ra.

- Trong sinh hoạt, tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình còn yếu; nhiều đảng viên nể nang, né tránh, không dám góp ý, phê bình đảng viên là cán bộ lãnh đạo, quản lý; ý kiến đóng góp của đảng viên chưa đi vào trọng tâm cuộc họp, chưa liên hệ nhiệm vụ cụ thể của tổ chức và cá nhân. Vẫn còn lẫn lộn giữa sinh hoạt chuyên môn và sinh hoạt chi bộ, chưa phân biệt giữa quyết định của chi bộ thực hiện vai trò lãnh đạo với việc lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo cơ quan, đơn vị theo chức trách, thẩm quyền.

- Một bộ phận đảng viên, trong đó có cả đảng viên là cán bộ lãnh đạo phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, suy thoái về đạo đức, lối sống, không thực hiện được trách nhiệm nêu gương, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến mức phải xử lý kỷ luật.

- Công tác tạo nguồn, phát triển đảng viên mới và sự phân bố đảng viên chưa đồng đều, chủ yếu là tập trung ở bộ phận lực lượng vũ trang và các chi bộ cơ quan hành chính, các đơn vị trong hệ thống chính trị các cấp; còn ở khu vực nông thôn, tổ dân phố, vùng miền núi, hải đảo, trong các đơn vị kinh tế tư nhân, người

tham gia tôn giáo, dân tộc thiểu số còn ít, mỏng và khó khăn. Tình trạng chưa có tổ chức đảng vẫn còn xảy ra ở một số lĩnh vực, ngành y tế, trường học.

- Công tác tuyên truyền, vận động các chủ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hiểu sâu sắc chủ trương thành lập tổ chức đảng trong doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Lực lượng công nhân, người lao động trong doanh nghiệp chỉ quan tâm đến việc làm, tiền lương, thu nhập, không thiết tha phấn đấu để trở thành đảng viên, không thiết tha sinh hoạt trong các tổ chức chính trị - xã hội.

- Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở một số cơ sở tuy có đổi mới nội dung và phương thức hoạt động nhưng hiệu quả chưa rõ nét, hoạt động còn nặng tính hành chính.

* *Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm* có rất nhiều nguyên nhân cả chủ quan lẫn khách quan, song các nguyên nhân chính:

- Tác động mặt trái của kinh tế thị trường, lối sống thực dụng làm phân hóa rất mạnh mẽ đảng viên và quần chúng, đặt ra những vấn đề mới và khó cho công tác xây dựng Đảng ở cơ sở nhất là ở các khu kinh tế, khu công nghiệp nhưng chưa được nghiên cứu giải quyết kịp thời. Một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa nhận thức đầy đủ, đúng đắn tầm quan trọng của công tác xây dựng TCCSĐ và đội ngũ đảng viên.

- Trình độ chuyên môn, kỹ năng công tác của một số cấp ủy, cán bộ đảng viên ở cơ sở còn hạn chế; năng lực lãnh đạo, quản lý, tham mưu, tổ chức thực hiện nghị quyết chưa cao; số đảng viên dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm còn ít.

- Công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của một số cấp ủy cấp trên đối với cơ sở có lúc, có nơi chưa sâu sát, thường xuyên.

- Chưa bố trí được cán bộ văn phòng, kiểm tra cấp ủy cơ sở xã, phường, thị trấn có đông đảng viên, nhiều công việc đảng vụ; chế độ phụ cấp cho đội ngũ cán bộ không chuyên trách còn thấp, chưa đủ sức khuyến khích, tận tâm cho công việc.

3. *Bài học kinh nghiệm*

Một là, quan tâm đúng mức đến công tác chính trị, tư tưởng; thường xuyên quán triệt, triển khai kịp thời, sâu rộng các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh cho cán bộ, đảng viên, quần chúng Nhân dân.

Hai là, phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương tham gia sinh hoạt chi bộ; từng cấp ủy viên phải được phân công nhiệm vụ rõ ràng, phụ trách cụ thể từng nội dung trong sinh hoạt chi bộ, làm tốt từ khâu chuẩn bị đến việc tổ chức sinh hoạt chi bộ; đảng viên trong chi bộ phải được phân công nhiệm vụ phù hợp.

Ba là, lựa chọn đúng những đồng chí tham gia cấp ủy chi bộ phải có tinh thần trách nhiệm, có tâm huyết, nhiệt tình trong công tác; có kinh nghiệm thực tiễn; nắm rõ tình hình thực tế của địa phương và phải được bồi dưỡng kiến thức, kỹ

năng công tác. Đặc biệt, phải thực sự uy tín với quần chúng Nhân dân nơi công tác và nơi cư trú.

Bốn là, tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cách thức, phương pháp đánh giá TCCSĐ và đảng viên, bảo đảm sát thực tiễn, công bằng; kịp thời phát hiện, biểu dương, nhân rộng cách làm hay, mô hình mới.

Năm là, duy trì thường xuyên công tác kiểm tra, giám sát; trong đó, chú ý kiểm tra, giám sát việc chấp hành nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, giữ gìn kỷ cương, kỷ luật trong Đảng, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục, tính chiến đấu trong sinh hoạt chi bộ.

IV. Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và đề xuất, kiến nghị

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Tiếp tục xây dựng và nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của TCCSĐ và chất lượng đội ngũ đảng viên trong Đảng bộ tỉnh; kiện toàn, sắp xếp các mô hình TCCSĐ bảo đảm đồng bộ, thống nhất, phù hợp với thực tiễn, tạo sự chuyển biến rõ nét về chất lượng hoạt động của các loại hình TCCSĐ; xây dựng TCCSĐ thực sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, không ngừng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng đảng viên; bảo đảm vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng trên các mặt của đời sống xã hội, lãnh đạo thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Từ nay đến năm 2025, kết nạp bình quân mỗi năm trên 2.000 đảng viên, đến năm 2030 đạt mức bình quân chung của cả nước về số đảng viên trên dân số; số tổ chức ngoài khu vực nhà nước có tổ chức đảng ngang mức bình quân chung của cả nước; nâng cao tỷ lệ đảng viên là người theo tôn giáo; chấm dứt tình trạng trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, trưởng ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố không phải là đảng viên; 100% bí thư chi bộ được bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng.

- Khuyến khích thực hiện rộng rãi mô hình bí thư kiêm trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố hoặc bí thư kiêm trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố. Thực hiện nghiêm túc mô hình bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch HĐND xã, hoặc bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch UBND cấp xã ở những nơi có điều kiện.

2. Nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian đến

- Tiếp tục quán triệt các nghị quyết, chỉ thị, quy định, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh về công tác xây dựng Đảng nhằm tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên cả về nhận thức và hành động, trọng tâm là Quy định số 24-QĐ/TW ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng và Hướng dẫn số 01-HD/TW ngày 28/9/2021 của Ban Bí thư về một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng; các văn bản chỉ đạo của Trung ương về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Kết luận số 21-KL/TW

ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) "về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa""; Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và các quy định về chức năng, nhiệm vụ của các loại hình TCCSĐ, các chi bộ trực thuộc đảng ủy xã, phường, thị trấn. Phần đầu thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu của Chỉ thị số 11 đã đề ra.

- Tổ chức thực hiện tốt việc bám sát cơ sở để lãnh đạo, phân công cấp ủy cấp tỉnh nắm, theo dõi đến TCCSĐ; cấp ủy cấp huyện nắm, theo dõi đến chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở; đảng viên ở cơ sở nắm, theo dõi đến hộ gia đình.

- Các cấp ủy đảng và từng chi bộ có kế hoạch, giải pháp, giao chỉ tiêu cụ thể về phát triển đảng viên, quản lý đảng viên ở thôn, tổ dân phố, các đơn vị kinh tế tư nhân, người có đạo. Thực hiện đúng quy trình rà soát, sàng lọc đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng theo Chỉ thị số 28, Hướng dẫn số 02-HD/BTCTW ngày 12/4/2021 của Ban Tổ chức Trung ương.

- Thường xuyên củng cố, kiện toàn, nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện của TCCSĐ; trước hết là năng lực lãnh đạo cấp ủy viên để thực hiện nhiệm vụ chính trị và xây dựng địa phương, cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện. Chú trọng tăng cường tập huấn công tác đảng cho cấp ủy, bí thư chi bộ, nhất là đối với loại hình chi bộ công an vừa mới thành lập; chi bộ thôn, tổ dân phố, chi bộ doanh nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện mạnh mẽ hơn nữa về sắp xếp bộ máy theo Nghị quyết 18-NQ/TW, Nghị quyết 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) theo hướng tinh gọn; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chủ trương bí thư đảng ủy xã, phường, thị trấn kiêm chủ tịch HĐND; bí thư là thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng đối với công tác vận động quần chúng; tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội đoàn thể ở cơ sở; thực hiện nghiêm túc Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị (khóa X) ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị khóa X về ban hành quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; khắc phục tình trạng hành chính, quan liêu, xa dân, xa thực tế; củng cố vững chắc lòng tin của Nhân dân đối với Đảng, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với Nhân dân, nhằm phát huy sức mạnh to lớn của Nhân dân, tạo ra phong trào thi đua yêu nước, xây dựng phát triển mô hình, điển hình dân vận khéo trong quần chúng, góp phần xây dựng phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

- Chỉ đạo Ban cán sự đảng UBND tỉnh, Đảng đoàn HĐND tỉnh rà soát hệ thống chính sách đối với cán bộ không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, thôn, tổ dân phố để ban hành mới và bổ sung cho phù hợp với thực tiễn, nhất là đối với những xã, phường, thị trấn có quy mô dân số vượt tiêu chuẩn do Trung ương quy định; những địa phương có địa bàn rộng, địa bàn phức tạp. Nghiên cứu chính sách và thực hiện bồi dưỡng nghiệp vụ công tác cho đội ngũ cán bộ không chuyên trách hằng năm và theo nhiệm kỳ.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cấp trên đối với cấp dưới, của tổ chức đối với cá nhân, nhất là kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế làm việc của cấp ủy, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, đấu tranh tự phê bình và phê bình và nội dung sinh hoạt chi bộ.

3. Đề xuất, kiến nghị Trung ương

3.1. Ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ của chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở; quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ bộ phận; ban hành quy chế làm việc mẫu của cấp ủy cơ sở. Đồng thời, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới Quy định chức năng, nhiệm vụ của các loại hình chi bộ đơn vị sự nghiệp, cơ quan hành chính, hợp tác xã, các đơn vị kinh tế tư nhân,...

3.2. Hiện nay, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ là thấp so với mức sống hiện nay, đặc biệt đối với các khu vực ở đô thị, thành phố, chưa tương xứng với vị trí việc làm của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố đang đảm nhiệm, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động ở thôn, tổ dân phố. Do vậy, đề nghị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Nghị định 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ, theo hướng tăng chế độ phụ cấp cho các chức danh ở thôn, tổ dân phố, đồng thời có phụ cấp cho chức danh ủy viên ban chấp hành chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở và trong các doanh nghiệp tư nhân.

3.3. Tại khoản 2.8 Điều 8 Quy định số 22-QĐ/TW ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng, nêu: "*Ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở xã, phường, thị trấn; những TCCSĐ trong cơ quan và doanh nghiệp có từ 300 đảng viên trở lên thì bố trí 01 ủy viên chuyên trách làm phó chủ nhiệm*". Tuy nhiên, theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ thì lại không bố trí được chức danh này. Do vậy, đề nghị nghiên cứu, chỉ đạo sửa đổi, bổ sung để thống nhất thực hiện được việc bố trí 01 biên chế công chức cấp xã làm phó chủ nhiệm chuyên trách ủy ban kiểm tra đảng ủy xã, phường, thị trấn có từ 300 đảng viên trở lên.

3.4. Nghiên cứu, bố trí chức danh văn phòng đảng ủy xã, phường, thị trấn là cán bộ chuyên trách cấp xã để giúp cơ sở nâng cao chất lượng công tác tham mưu, giúp việc cấp ủy trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị ở xã, phường, thị trấn.

3.5. Chỉ đạo hoàn thiện phần mềm Quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên để bảo đảm việc cập nhật, khai thác, đồng bộ dữ liệu đảng viên, chuyển sinh hoạt đảng được hiệu quả, giảm thủ tục hành chính trong Đảng.

3.6. Nghiên cứu, ban hành tài liệu bồi dưỡng lớp đối tượng kết nạp đảng và đảng viên mới; quy trình, hướng dẫn việc kiểm tra, đánh giá nhận thức cuối khóa học bồi dưỡng kết nạp đảng và đảng viên mới theo tinh thần Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 21/01/2019 của Ban Bí thư về nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng.

3.7. Nghiên cứu, hướng dẫn cụ thể các mức độ của biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” tương ứng với các hình thức xử lý kỷ luật cán bộ, đảng viên.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư (b/c),
- Ban Tổ chức Trung ương (b/c),
- Vụ địa phương II, BTCTW,
- Các đ/c Ủy viên BTV Tỉnh ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- C, PCVP Tỉnh ủy; P. Tổng hợp,
- P. Địa phương, BTCTU,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Đặng Ngọc Huy